



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Nhất Việt

Ngày 31/12/2025	15,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	-	-

DT thuần Q4/25
15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.22 93.3%
YoY: ▲ 1.10 8.2%

LN thuần Q4/25
1.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.26 28.9%
YoY: ▲ 0.60 106%

LN sau thuế Q4/25
-2.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 4.38 -200%
YoY: ▼ 1.95 -814%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1245%
YoY: +/- ▲ 422%

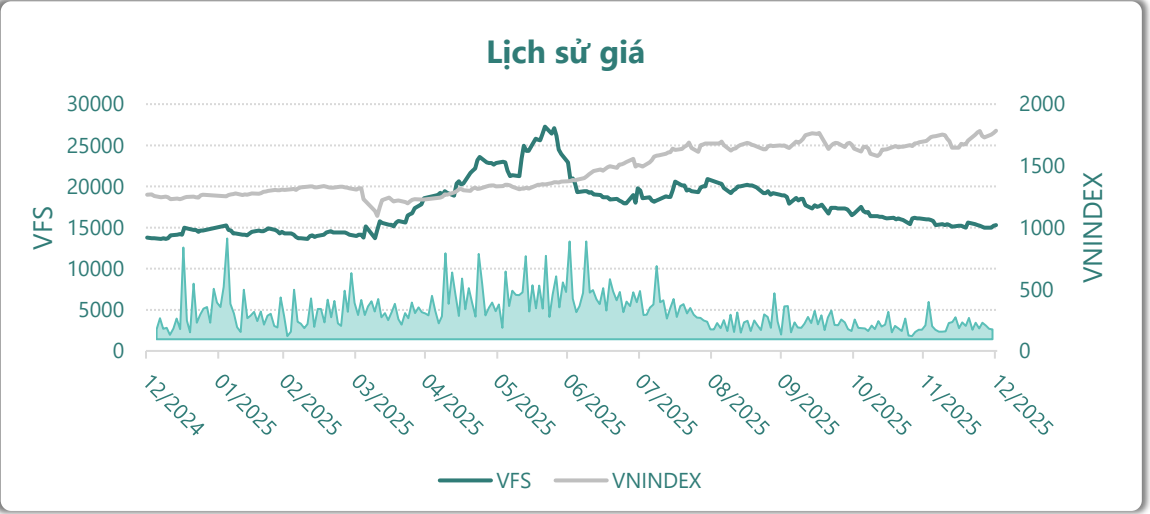
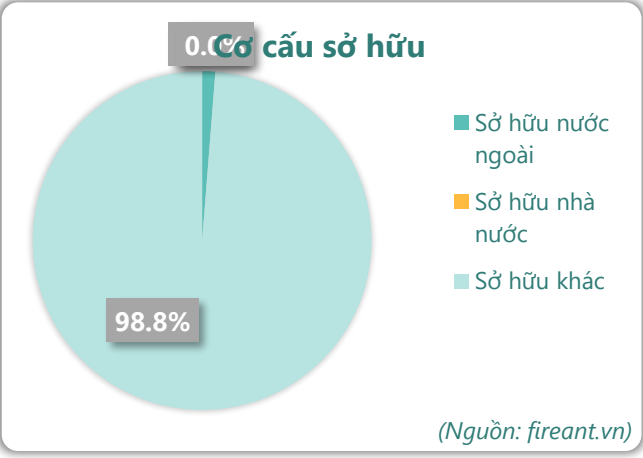
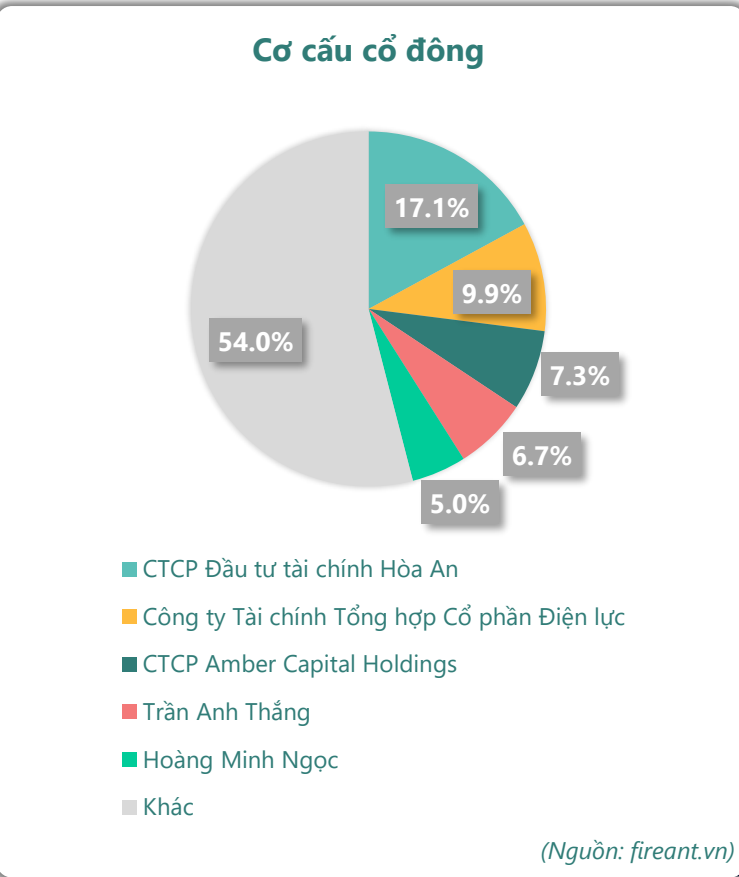
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,616 - 27,265
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,142
Số lượng CPLH (CP)	139,967,442
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,159,230
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.72
EPS	1,064
P/E	14.4

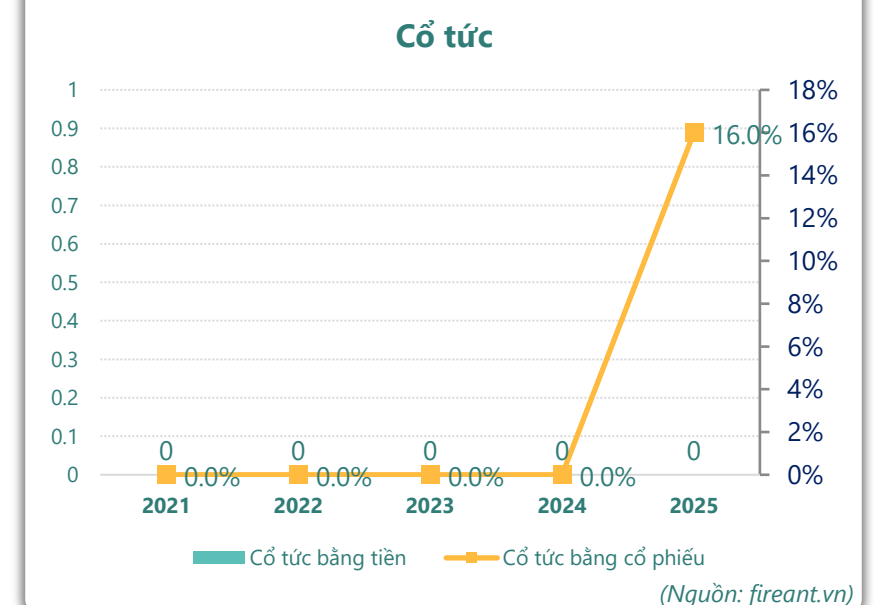
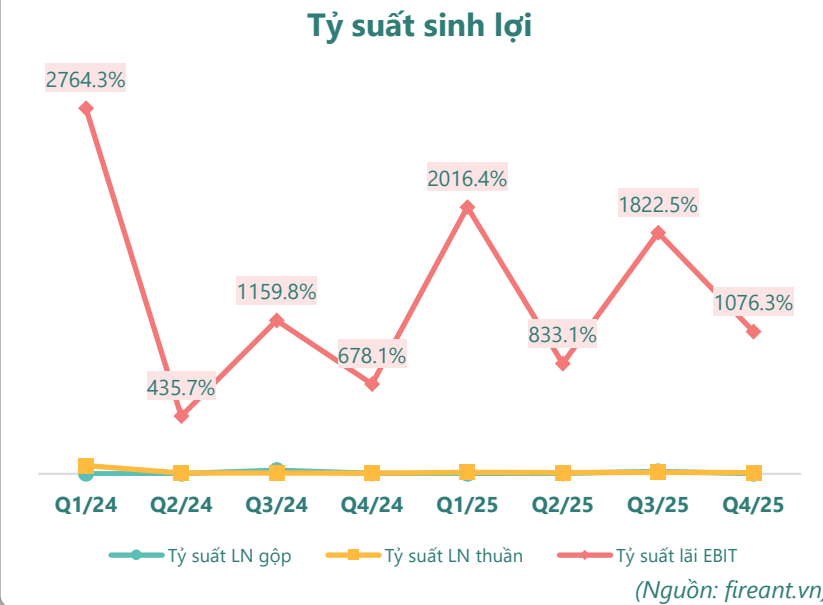
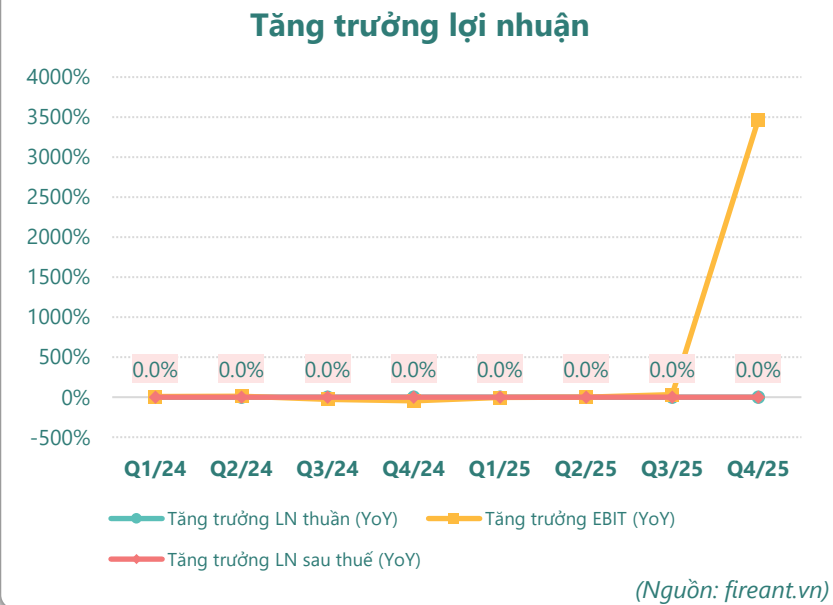
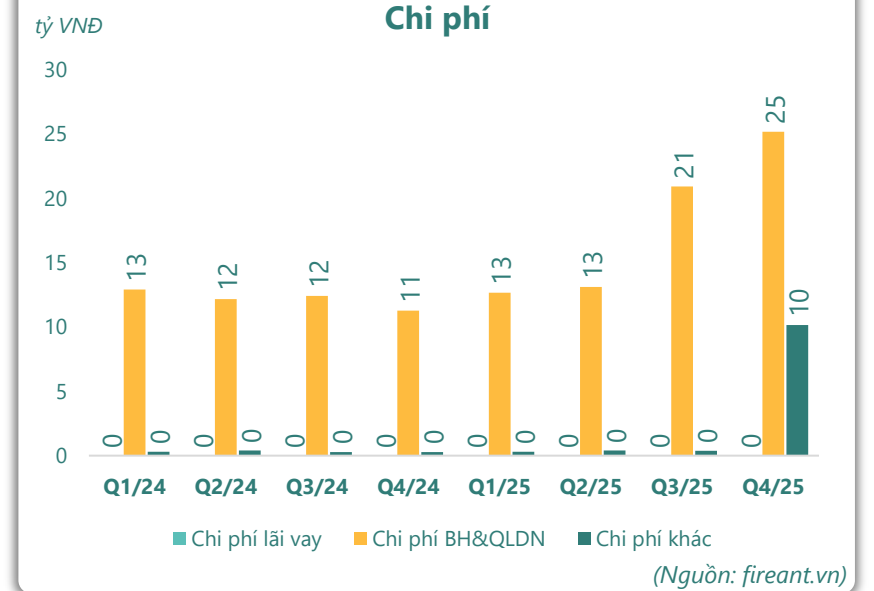
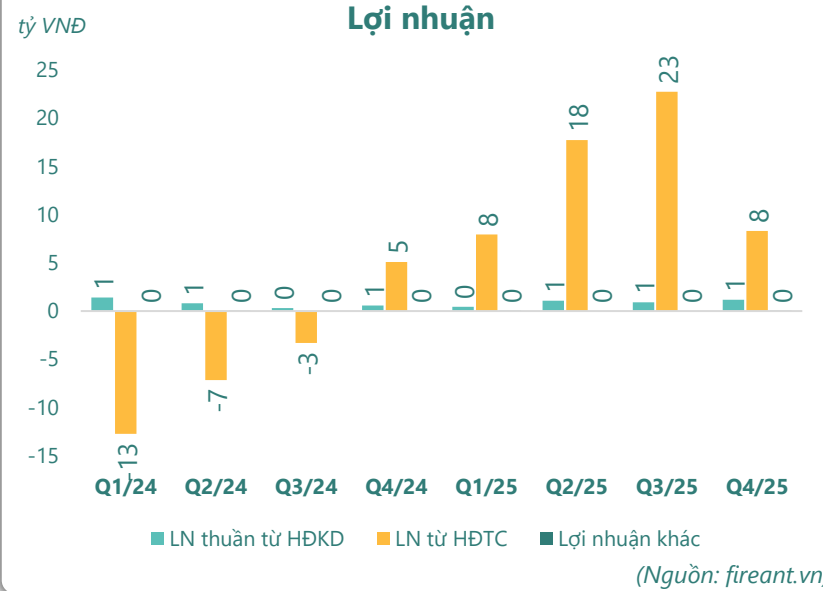
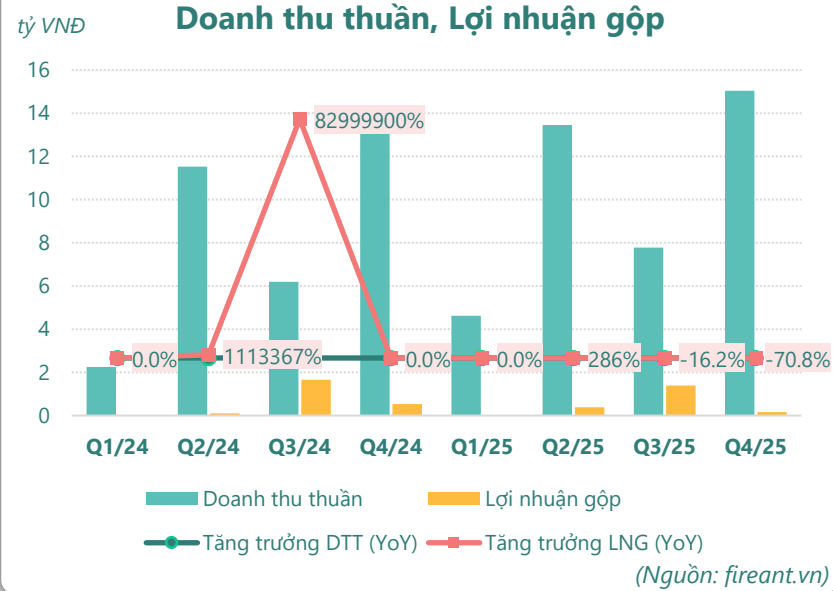
DT thuần 2025
40.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00 20.6%

LN thuần 2025
3.60
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.54 17.6%

LN sau thuế 2025
0.03
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 4.79 -99.4%



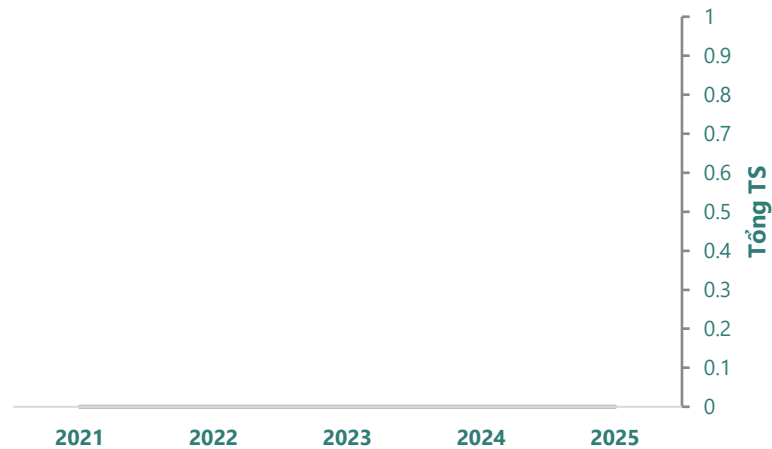
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

100%
90%
80%
70%
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%

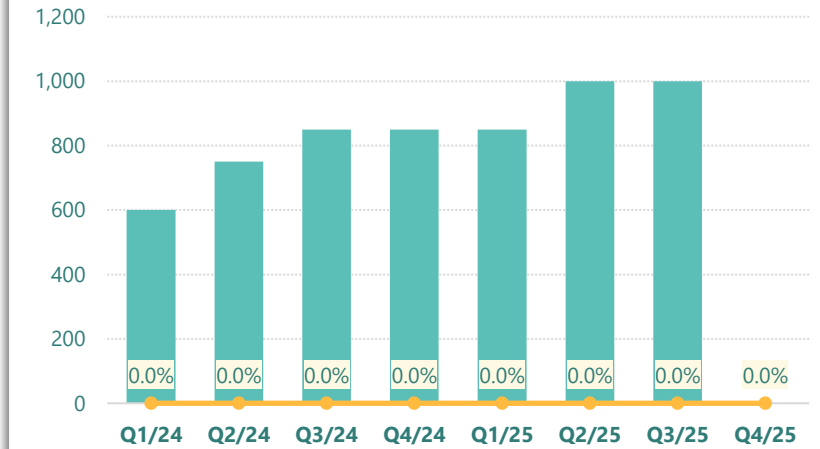
2021 2022 2023 2024 2025

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

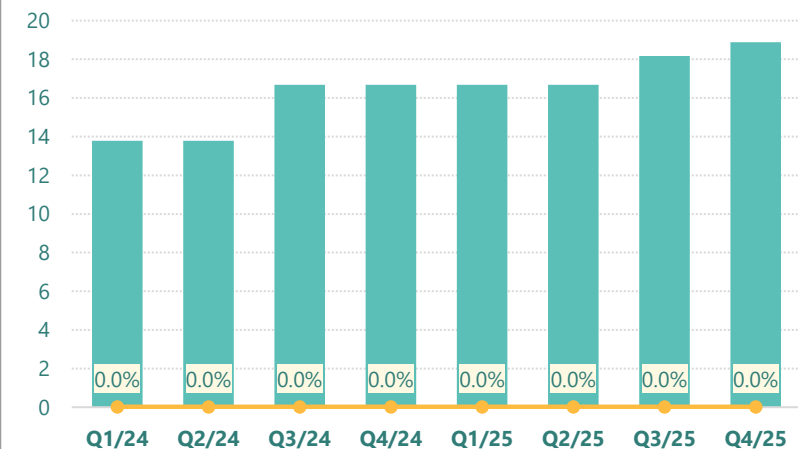


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

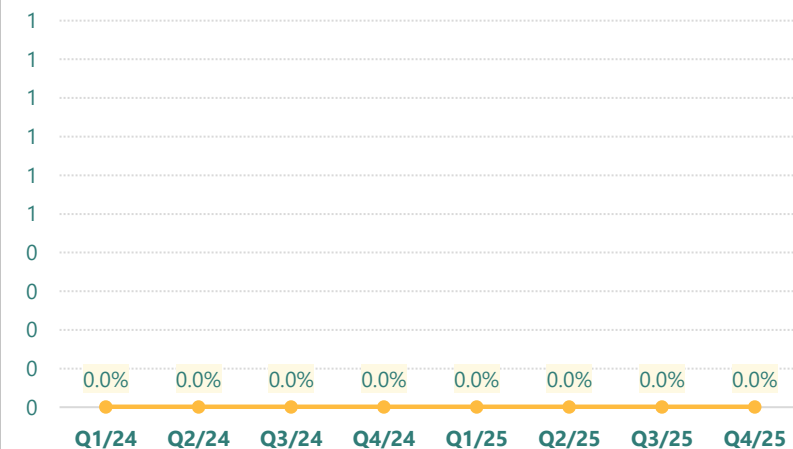


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

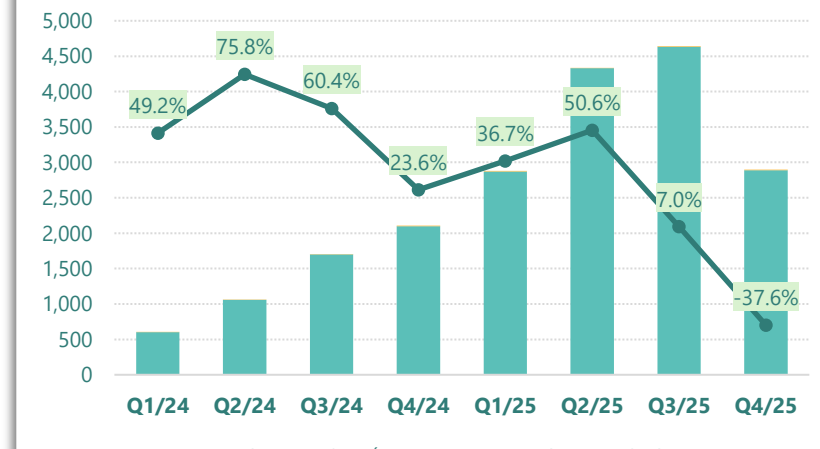


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



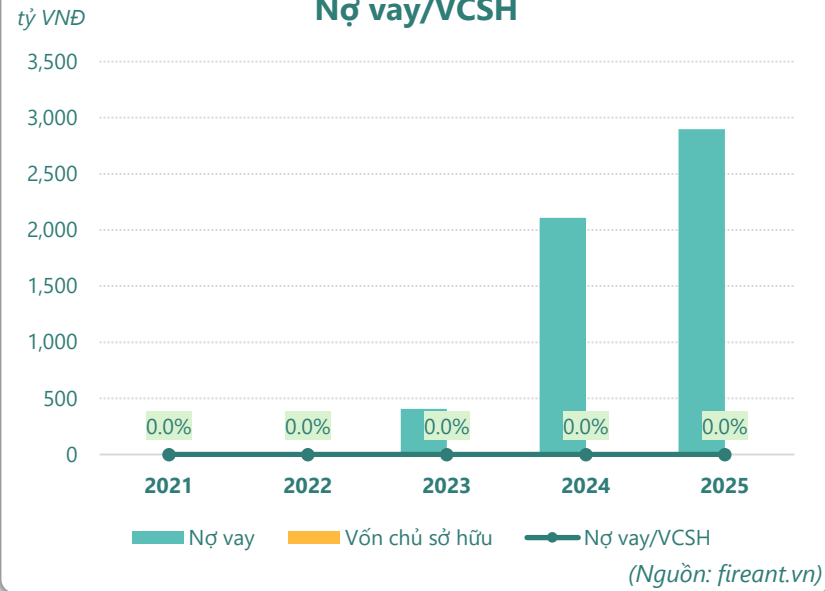
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

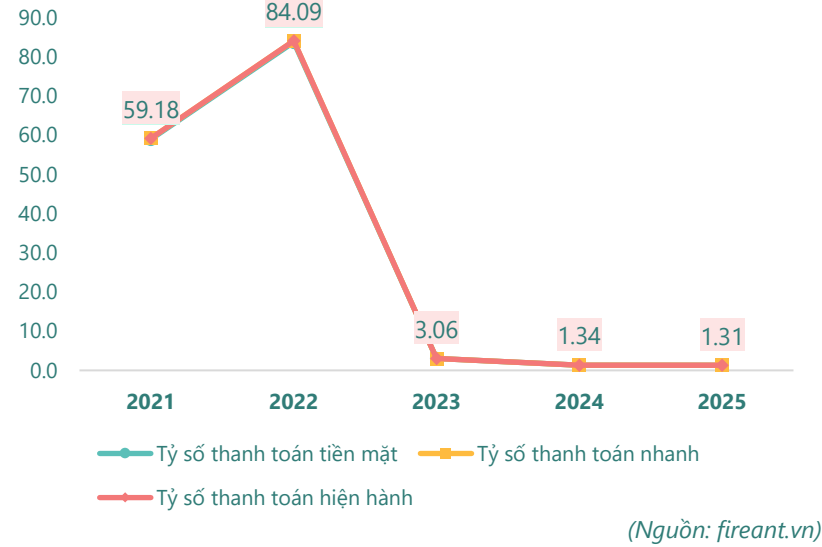
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

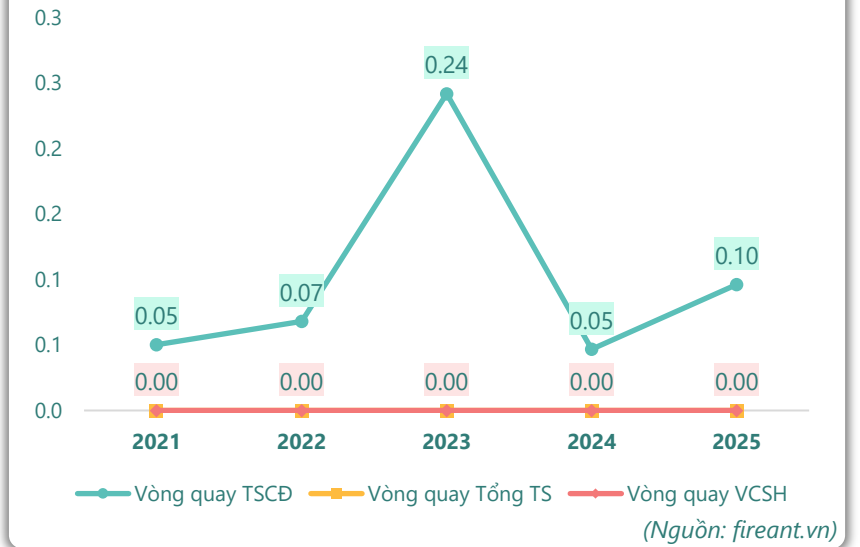
Nợ vay/VCSH



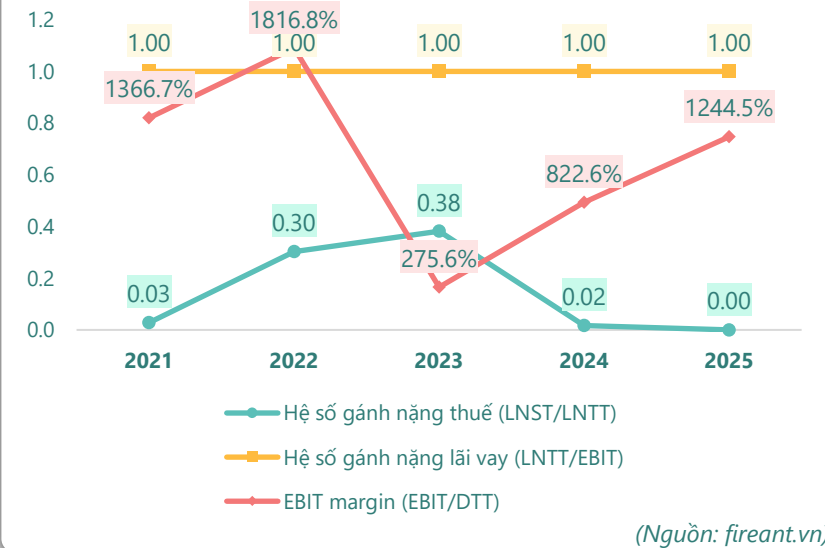
Chỉ số thanh khoản



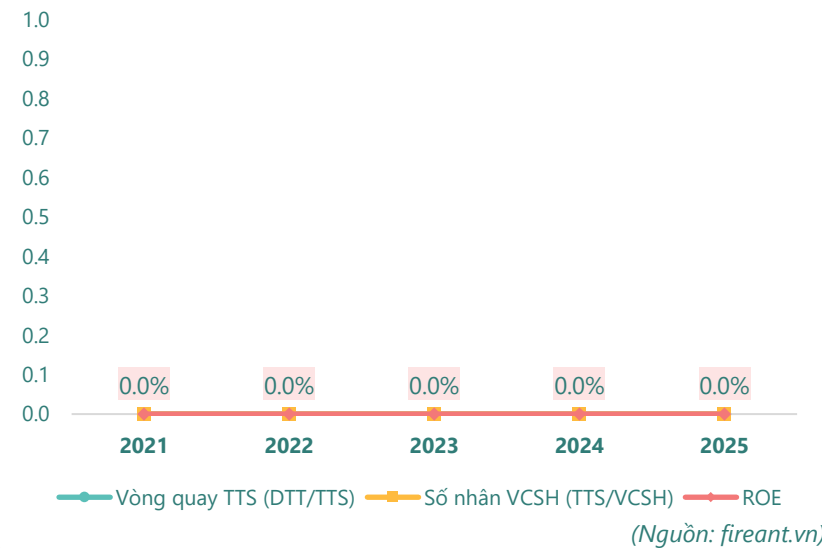
Vòng quay tài sản



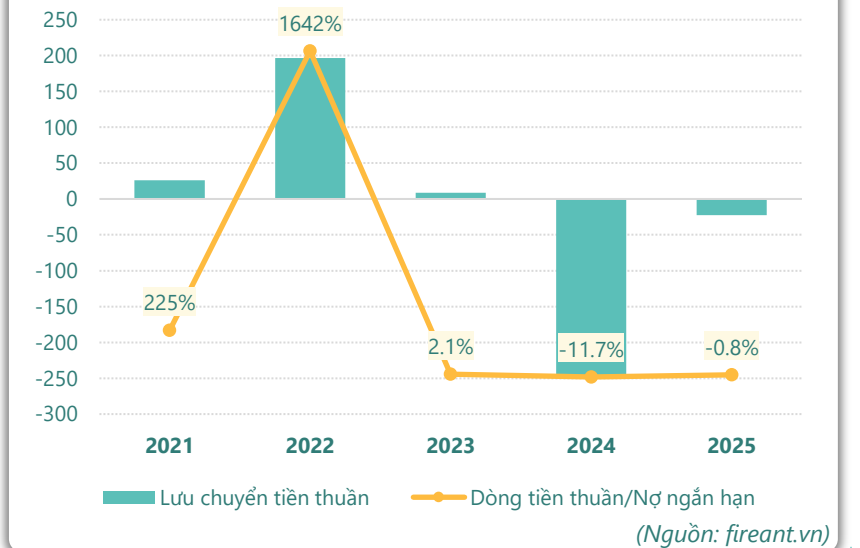
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	15.0	13.9	8.2%	40.9	33.9	20.6%
Giá vốn hàng bán	6.96	10.9	-36.1%	13.5	14.4	-6.0%
Lợi nhuận gộp	0.16	0.53	-70.7%	1.93	2.29	-15.6%
Doanh thu HĐTC	55.7	31.1	79.3%	211	78.5	169%
Chi phí TC	47.4	26.0	82.5%	155	96.6	60.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	25.2	11.3	123%	71.9	48.8	47.2%
Chi phí QLDN	0	0.00		0.05	0	
LN thuần từ HĐKD	1.17	0.57	106%	3.60	3.06	17.6%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	0.00	156%
LN trước thuế	162	94.5	71.3%	509	279	82.5%
Lợi nhuận sau thuế	-2.19	-0.24	-814%	0.03	4.82	-99.4%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-658	-377	-832	-1,491	-357	1,931
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.63	2.54	0.12	-1.62	-1.25	-60.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	642	400	773	1,457	305	-1,745
Tiền đầu kỳ	151	132	157	97.8	62.0	9.44
Lưu chuyển tiền thuần	-19.7	25.6	-59.5	-35.9	-52.6	125
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	132	157	97.8	62.0	9.44	135

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	3,828	2,850	34.3%
Tiền và tương đương tiền	3,822	2,845	34.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	2.03	1.65	23.4%
Phải thu dài hạn	2.48	2.22	11.9%
Tài sản cố định	0	850	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.9	16.7	13.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,931	2,131	37.6%
Nợ ngắn hạn	2,921	2,124	37.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,889	2,100	37.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	9.87	7.17	37.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

